

ĐỘC TÀI ĐỎ, ĐỘC TÀI XANH RỒI ĐẾN DÂN CHỦ KHÓ ĐOÁN Ở INDONESIA

Huỳnh Thế Du

Sau hơn 7 thập kỷ kể từ khi giành được độc lập vào năm 1945, Indonesia đã trải qua 20 năm lãnh đạo của Tổng thống Sukarno ngã về mô hình xã hội chủ nghĩa, 32 năm với Tổng thống Suharto và hơn hai thập kỷ theo mô hình dân chủ đại chúng với nhiều thác ghềnh.

Phải mất gần hai thập kỷ, Indonesia mới có thể chọn một vị tổng thống dân sự thông qua bầu cử đúng nghĩa với nhiều kỳ vọng. Tuy nhiên, mọi chuyện vẫn đang ở phía trước.

Trong hai thập kỷ lãnh đạo Indonesia theo mô hình “dân chủ có chỉ đạo”, tham gia “lãnh đạo thế giới” và xây dựng sự sùng bái cá nhân, Tổng thống Sukarno – người lãnh đạo cuộc cách mạng để giành độc lập của Indonesia đã tạo ra sự chán ghét của dân chúng do kinh tế đình trệ và nhiều vấn đề xã hội nên đã bị phế truất bởi Tướng Suharto.

Giống như Park Chung-hee, Suharto lên nắm quyền ở Indonesia sau một cuộc đảo chính quân sự vào năm 1966 và ông tại vị 32 năm. Di sản của ông để lại là một nước Indonesia mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình và nhiều bất ổn với cấu trúc thể chế mang nặng tính khai thác do ảnh hưởng của chủ nghĩa thân hữu.

Khác với chính phủ của Tổng thống Park Chung-hee ở Hàn Quốc, chính phủ của Suharto đã không nhất quán trong việc chọn đường hướng phát triển.

Giai đoạn đầu, chính sách hướng về xuất khẩu được đề xuất bởi nhóm những nhà kinh tế Indonesia được đào tạo tại Đại học UC Berkeley Hoa Kỳ (thường được gọi là “Berkeley Mafia”) đã được triển khai và mang lại kết quả.

Tuy nhiên vào giữa thập niên 1970, Suharto lại ngã sang chính sách thay thế nhập khẩu phát huy tinh thần dân tộc của nhóm theo chủ nghĩa dân tộc với sự ảnh hưởng rất lớn của những thành viên trong gia đình Tổng thống. Hậu quả, nền kinh tế Indonesia đã gặp rắc rối.

Đến giữa thập niên 1980, kinh tế Indonesia rơi vào khó khăn khi giá dầu giảm thì Suharto lại quay lại với nhóm Berkeley, nhưng khi kinh tế phục hồi thì nhóm theo chủ nghĩa dân tộc lại thắng thế.

Trên thực tế, các chính sách của chính quyền Suharto bị ảnh hưởng và chi phối bởi các nhóm thân hữu và gia đình ông ta. Kết quả là không có sự cạnh tranh lành mạnh trong quá trình phân bổ nguồn lực và ra quyết định.

Hơn thế, chính sách bàn tay sắt của Suharto đã bóp nghẹt sự phản kháng hay tiếng nói của công chúng trong một thời gian dài.

Hậu quả của nó là một nền kinh tế phát triển lệch lạc chỉ có những người trong liên minh thân hữu của Tổng thống và một số quan chức cao cấp được hưởng lợi, trong khi người dân thì cảm

thấy bất mãn. Sau cuộc khủng hoảng tài chính trong khu vực năm 1997-1998, Tổng thống Suharto đã phải từ chức với một di sản rất bi đát cho Indonesia.

Tuy có một số cải thiện, nhất là tiến trình dân chủ hóa một cách sâu rộng hơn từ thời hậu Suharto. Tuy nhiên, tính khai thác trong thể chế ở Indonesia vẫn rất lớn.

Thêm vào đó, tiến trình dân chủ hóa ở Indonesia cũng gặp phải những trục trặc và không có gì để đảm bảo rằng nền dân chủ của đất nước này có thể kỷ luật những chính khách tham nhũng.

Sự kiện đa số người Indonesian đã bầu chọn ứng viên từ một gia đình nghèo "Jokowi" Widodo, chứ không phải một vị tướng về hưu vốn là con rể của Suharto và những tỷ phú ủng hộ ông, cho thấy có một niềm hy vọng.

Khả năng lực lượng an ninh Indonesia kiểm soát và xoa dịu các nhóm tôn giáo cực đoan cũng có nhiều hứa hẹn. Không như miền Nam Thái Lan, họ đã xoay trở để giải quyết được cuộc xung đột kéo dài ở tỉnh Aceh.

Nếu dựa vào những bối cảnh này, và vị tổng thống đương nhiệm có thể đạt được những mục tiêu then chốt trong chương trình đề ra thì tương lai ở Indonesia xem ra tốt hơn hầu hết các nước khác. Tuy nhiên, khả năng có đạt được điều này hay không vẫn đang còn ở phía trước. Giải quyết những trục trặc cố hữu của một thể chế rất nặng tính khai thác ở Indonesia là điều không hề đơn giản.